

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2020 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX - ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân Q - sinh năm 1969. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Bùi Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/10/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ

chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh Q có quan hệ ngoài luồng, thường xuyên chửi bới và đánh đập chị. Hai vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng không ngủ và sinh hoạt cùng nhau. Quá trình Tòa án giải quyết chị L đã về nhà mẹ đẻ tại xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương để ở và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân N - sinh ngày 04/9/1992 và Bùi Xuân H - sinh ngày 02/01/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 21 /12/2020, quá trình giải quyết bị đơn anh Bùi Xuân Q trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Bùi Xuân Q thừa nhận như chị Lê Thị L trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng không ngủ và sinh hoạt cùng nhau, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị L cứ cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân N - sinh ngày 04/9/1992 và Bùi Xuân H - sinh ngày 02/01/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Xuân Q.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56,57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận chị Lê Thị L được ly hôn anh

Bùi Xuân Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân Nam - sinh ngày 04/9/1992 và Bùi Xuân Hùng - sinh ngày 02/01/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Bùi Xuân Q và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “Ly hôn” là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Bùi Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/10/1991 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh Q đều thừa nhận từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tuy vẫn ở chung nhà nhưng không ngủ và sinh hoạt cùng nhau, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q không thể hàn gắn được nữa. Chị L xin ly hôn, anh Q không đồng ý nhưng nếu chị L cứ cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận, thể hiện việc anh Q không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc chị L không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy xử cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân N - sinh ngày 04/9/1992 và Bùi Xuân H - sinh ngày 02/01/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị L được ly hôn anh Bùi Xuân Q.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân N - sinh ngày 04/9/1992 và Bùi Xuân H - sinh ngày 02/01/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản và vay nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002286 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Lê Thị L, vắng mặt anh Bùi Xuân Q. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã H, H Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lê Văn Lợi

Đào Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Hợp, H Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lê Văn Lợi

Đào Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

TÒA

- VKSND H Đông Sơn;

- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Đào Thị Thu Thủy

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

{2} Về hôn nhân: Chị Trần Thị Nhung và anh Lê Hồng Thái kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/6/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Thái thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi khi về hay gây sự và cho rằng thời gian anh đi làm xa chị Nhung ở nhà không chung thủy, chị Nhung không chịu được đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị Nhung và anh Thái không thể hàn gắn được nữa. Chị Nhung xin ly hôn, anh Thái cũng đồng ý. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nhung và anh Thái là phù hợp với Điều Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Phượng - sinh ngày 04/7/2007.

Nay ly hôn chị Nhung và anh Thái đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thị Hồng Phượng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng cháu Phượng là con gái Hơn nữa cháu Phượng cũng có vọng được ở với mẹ. Vì vậy thấy cần giao cháu Lê Thị Hồng Phượng cho chị Nhung nuôi dưỡng và anh Thái không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

{4} Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

{5} Về án phí: Chị Trần Thị Nhung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Nhung và anh Lê Hồng Thái.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Phượng - sinh ngày 04/7/2007

Giao chị Trần Thị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hồng Phượng. Anh Lê Hồng Thái không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Lê Hồng Thái có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

- **Về tài sản, công nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Nhung phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nhung đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/02477 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Chị Nhung đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Trần Thị Nhung, anh Lê Hồng Thái. Chị Nhung, anh Thái có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lê Văn Lợi

Đào Thị Thu Thủy